

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/DS-PT
Ngày 25-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 21/01/2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1975

Địa chỉ: số nhà xxx, ấp L, xã L1, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Quốc V, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2020) (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Bé C, sinh năm 1974 (có mặt)

Ông Phan Bình G, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp x, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người kháng cáo: bị đơn bà Đỗ Thị Bé C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị P là ông Phạm Quốc V trình bày:

Từ năm 2015 đến ngày 12/7/2019, giữa bà P và vợ chồng ông Phan Bình G, bà Đỗ Thị Bé C có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với đại lý thức ăn chăn nuôi gia súc Thịnh Phát do bà P làm chủ, hợp đồng miệng, không có làm giấy tờ. Hai bên thỏa thuận mỗi lần giao thức ăn sẽ được ghi vào sổ giao nhận thức ăn của hai bên. Sau mỗi đợt xuất bán heo thì ông G, bà C sẽ mang tiền thanh toán cho bà P và ghi số tiền thanh toán vào sổ, nếu trả không hết thì được cộng dồn vào đợt bán heo sau. Đến ngày 12/9/2019 sau khi tất toán sổ và các lần vợ chồng ông G, bà C trả nợ thì ông G, bà C còn nợ bà P số tiền 368.644.000 đồng, có làm giấy xác nhận công nợ do ông G, bà C ký tên. Kể từ thời điểm đó đến nay ông G, bà C không có thanh toán cho bà P được phần tiền nào nên bà P khởi kiện yêu cầu ông G, bà C có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 368.644.000 đồng. Bà P yêu cầu tính tiền lãi suất số tiền nêu trên từ ngày 12/9/2019 đến khi tòa án xét xử sơ thẩm ngày 12/11/2020 là $368.644.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 42.836.433 \text{ đồng}$ (làm tròn 42.836.000 đồng). Tổng cộng là 411.480.000 đồng. Đối với yêu cầu của ông G, bà C xin trả dần số tiền nợ nêu trên mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ thì bà P không đồng ý.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Bé C và ông Phan Bình G cùng trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Từ năm 2015, ông bà có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với bà P, hợp đồng miệng không có lập văn bản, hai bên thỏa thuận ghi vào sổ giao nhận mỗi lần bà P giao thức ăn. Hình thức thanh toán là sau khi bán heo sẽ trả tiền. Mỗi lần bán heo vợ chồng ông bà có trả tiền cho bà P và bà P ghi vào sổ số tiền ông bà trả, nếu trả chưa hết thì bà P ghi số tiền nợ còn lại vào sổ và cộng dồn vào đợt thanh toán sau. Đến ngày 12/9/2019, hai bên có chốt số tiền nợ thức ăn và ông bà có ký giấy xác nhận công nợ còn nợ bà P số tiền mua bán thức ăn là 368.644.000 đồng. Sau khi ký giấy xác nhận công nợ đến nay ông bà chưa thanh, toán cho bà P được phần tiền nào. Ông bà thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà P số tiền nợ gốc 368.644.000 đồng nhưng xin trả dần hàng năm, mỗi năm là 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Đối với số tiền lãi 42.836.000 đồng thì ông bà không đồng ý trả cho bà P số tiền này.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện G đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà

Phạm Thị P đối với bị đơn ông Phan Bình G, bà Đỗ Thị Bé C. Buộc ông Phan Bình G và bà Đỗ Thị Bé C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị P số tiền nợ là 411.480.000đ (Bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 368.644.000đ (Ba trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và 42.836.000đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/11/2020, bị đơn bà Đỗ Thị Bé C kháng cáo xin trả dần số tiền nợ là 368.644.000 đồng mỗi năm là 50.000.000 đồng, không đồng ý số tiền lãi 42.836.000 đồng và không đồng ý chịu án phí số tiền 20.459.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị Bé C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Bé C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện G .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Bé C. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Từ năm 2015 đến ngày 12/7/2019 bà Phạm Thị P có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông Phan Bình G, bà Đỗ Thị Bé C. Ngày 12/9/2019, hai bên chốt nợ, số tiền ông G, bà C còn nợ bà P là 368.644.000 đồng. Bà P khởi kiện yêu cầu ông G, bà C trả cho bà P tổng số tiền 411.480.000 đồng (trong đó nợ gốc là 368.644.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 42.836.433 đồng).

Ông G, bà C đồng ý trả số tiền nợ gốc, không đồng ý trả lãi và xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý.

[2] Bà C kháng cáo xin trả dần số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng/năm: xét thấy yêu cầu này không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và thuộc phạm vi giải quyết của giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi, xét thấy: Khi thực hiện việc mua bán thức ăn hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền thức ăn khi heo xuất chuồng. Do hết thời hạn nhưng ông G, bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ông G, bà C có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Vì các bên không thỏa thuận lãi suất chậm trả nên áp dụng theo lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, nguyên đơn bà P yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ thời điểm chốt nợ ngày 12/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật. Bà C kháng cáo không đồng ý trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Đối với nội dung kháng cáo không đồng ý chịu án phí số tiền 20.459.000 đồng: Do toàn bộ yêu cầu của bà P được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông G, bà C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bà C không nộp đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ, chứng minh bà C thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Bé C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm bà C phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Bé C. Giữ nguyên bản án

dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện G

Căn cứ các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P đối với bị đơn ông Phan Bình G, bà Đỗ Thị Bé C. Buộc ông Phan Bình G và bà Đỗ Thị Bé C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị P số tiền nợ là 411.480.000 (Bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 368.644.000 (Ba trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng và 42.836.000 (Bốn mươi hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Bé C và ông Phan Bình G phải liên đới chịu số tiền 20.459.000 (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền 10.107.000 (Mười triệu một trăm lẻ bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002556 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị Bé C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004106 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G ;
- Chi cục THADS huyện G ;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương